

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 16-8-2017
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đặng Thị Thanh;
2. Ông Nguyễn Trọng Tình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Anh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 73/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2017 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2017/QĐST-HNGĐ ngày 21/7/2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1985; HKTT: Tổ 6, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương; Tạm trú: đường N, phường M, thành phố H, tỉnh Bình Dương; có yêu cầu Tòa án giải quyết mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Thái Minh A, sinh năm 1980; HKTT: Tổ 6, ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bình Dương; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà Nguyễn Thị T và ông Thái Minh A tự nguyện tìm hiểu nhau và chung sống với nhau từ năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyển số 01 ngày 19/01/2006. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm 2010, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do ông A muốn đi làm ăn xa, thích sống tự do dù có công việc ổn định tại địa phương. Mặc dù bà T đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng không có kết quả nên bà T và con về nhà mẹ đẻ ở đến nay.

Ngày 17/4/2017, bà T nộp đơn khởi kiện ra Tòa án để yêu cầu giải quyết những vấn đề sau:

- Về hôn nhân: Bà T yêu cầu được ly hôn với ông Thái Minh A.

- Về con chung: Bà T và ông A có 01 con chung tên Thái Minh G, sinh ngày 28/01/2007. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông Thái Minh A cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Thái Minh A để tham gia các phiên họp và tham gia phiên tòa nhưng ông A vắng mặt không lý do.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Nguyễn Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] - Về thủ tục tố tụng:

[2] Về việc vắng mặt của bị đơn – ông Thái Minh A tại phiên tòa: Tòa án đã nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để triệu tập ông Thái Minh A tham gia các phiên họp và phiên tòa nhưng ông A vắng mặt không lý do. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử giải quyết vụ án vắng mặt ông A.

[3] - Về nội dung vụ án:

[4] - Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Thái Minh A tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B theo Giấy chứng nhận kết hôn số 05, quyển số 01 ngày 19/01/2006. Do đó, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[5] Bà T yêu cầu ly hôn với ông A bởi vì ông A muốn đi làm ăn xa, bỏ mặc vợ con, không sinh sống ổn định tại địa phương. Tại Biên bản xác minh 24/5/2017 tại Ban Điều hành Ấp A, xã B thì vợ chồng bà T, ông A thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do vấn đề kinh tế gia đình và hiện vợ chồng không còn chung sống với nhau hơn một năm nay. Xét thấy, quan hệ hôn nhân được xây dựng trên tình nghĩa vợ chồng. Vợ chồng có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và chung sống với nhau. Bà T không còn tình cảm với ông A, không còn chung sống để cùng nuôi dưỡng con cái, xây dựng gia đình hạnh phúc. Trong quá trình giải quyết vụ án, ông A đã được Tòa án nhiều lần tham

gia các phiên họp và phiên tòa nhưng ông A vẫn vắng mặt không lý do, chứng tỏ, ông A không mong muốn gìn giữ mối quan hệ hôn nhân này. Do đó, việc bà T yêu cầu giải quyết cho bà được ly hôn với ông A là có căn cứ chấp nhận.

[6] - Về con chung: Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Thái Minh G, sinh ngày 28/01/2007. Cháu Thái Minh G có nguyện vọng sống với mẹ nên việc bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là có căn cứ chấp nhận.

[7] Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con định kỳ: Bà T không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] - Về tài sản chung, nợ chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[9] Từ những nhận định trên, xét thấy, lời đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 208, 227, 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Thái Minh A.

1.2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Thái Minh G, sinh ngày 28/01/2007. Ông Thái Minh A không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Thị T và ông Thái Minh A đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được ngăn cản quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể giải quyết việc thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi đương sự có đơn yêu cầu theo quy định của pháp luật.

1.3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị T về việc không yêu cầu ông Thái Minh A cấp dưỡng nuôi con.

1.4. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2014/0005444 ngày 24/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Nếu vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi thành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã B;
- Lưu: VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Mỹ Trúc